

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 12 tháng 4 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Tiến Hóa;
Ông Lưu Ngọc Khoa;
- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Long Ca – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Tuy Đức, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/HSST, ngày 12/02/2018 đối với bị cáo:

Lê Hữu H; sinh năm 1971; Tại: Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Xóm 6, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở trước khi phạm tội: thôn 7, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Lê Hữu H (sinh năm 1937) và con bà Đặng Thị N (sinh năm 1947); Bị cáo có vợ Trương Võ Mỹ T, sinh năm 1981 (không đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2017 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức – Có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

1. Anh Võ T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt tại phiên tòa.
2. Anh Nguyễn D, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h30 phút ngày 18/9/2002, sau khi uống rượu tại nhà ông Võ Bá D thuộc thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là huyện T, tỉnh Đắk Nông) xong thì Trần Văn M rủ Lê Hữu H, Võ T, Võ Đ đi ra ngã ba nông trường 6 (trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 6) chơi. Khi đi ra khỏi nhà ông Võ Bá D được 20m thì Lê Hữu H nảy sinh ý định trộm cắp ống nước của nông trường 6 mang về bán lấy tiền tiêu xài. Lê Hữu H rủ Võ T, Võ Đ, Trần Văn M cùng thực hiện hành vi trộm cắp thì được cả bọn đồng ý. Lúc này Lê Hữu H phân công cho Trần Văn M canh giới bên ngoài còn H, Đ, T tiếp cận ống nước; Lê Hữu H trực tiếp lấy được bốn ống nước rồi đưa cho T và Đ mỗi người vác một ống đi về chỗ M. Lúc này H đưa cho M vác một ống được một đoạn thì M đưa lại cho H vác. H, T, Đ mang bốn ống nước về cất dấu tại ao nhà ông Võ Bá D. Sau khi cất dấu xong M rủ T, Đ, H về nhà mình nhậu tiếp. Quá trình nhậu có B (chưa xác định nhân thân lai lịch) tới chơi và tham gia nhậu cùng. Khi uống hết khoảng 01 lít rượu thì B bỏ về, Đ đi ngủ. Lúc này Lê Hữu H tiếp tục rủ M và T đi trộm thêm ống nước thì cả hai đồng ý. Cả ba đi gần đến nơi thì H phân công cho M canh giới còn H, T trực tiếp vào lấy ống nước. H lấy được ba ống, T lấy được hai ống rồi mang về cất dấu tại ao nhà ông Võ Bá D.

Sáng ngày 19/9/2002 Trần Văn M, Võ T, Võ Đ bị bắt và đã được xử lý tại bản án số 06/HSST, ngày 21/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Lắk (nay là huyện Đ, tỉnh Đắk Nông).

Đối với Lê Hữu H sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn đến ngày 15/12/2017 bị bắt theo quyết định truy nã của cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Lắk (nay là huyện Đ, tỉnh Đắk Nông).

Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/9/2002 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk kết luận: 09 ống dẫn nước bằng nhôm có giá trị là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại cáo trạng số: 10/Ctr – VKS, ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Lê Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Hữu H thừa nhận thực hiện những hành vi như nội dung cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 06, Trần Văn M, Lê Hữu H và Võ T 02 lần, Võ Đ 01 lần thực hiện hành vi trộm cắp 09 ống nước của trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 06 tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là cơ sở cai nghiện ma túy số 01 có trụ sở tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), hành vi của bị cáo và các đồng phạm Trần Văn M, Võ T, Võ Đ chỉ là đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng đối tượng nên hành vi của bị cáo không phải là “Phạm tội có tổ chức”, vì vậy hành vi của bị cáo phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 – BLHS năm

1999. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát rút quyết định truy tố bị cáo Lê Hữu H từ điểm a khoản 2 Điều 138 – BLHS năm 1999 xuống khoản 1 Điều 138 – BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 – BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Hữu H từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

- Biện pháp tư pháp: Đã được xử lý tại bản án số 06/HSST ngày 21/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Lắk (nay là huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) nên không đề cập giải quyết.

Phần tranh luận bị cáo Lê Hữu H thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo Lê Hữu H tỏ ra ăn năn hối cải, xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vì vậy các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người bị hại và người làm chứng.

Như vậy, do ý thức coi thường pháp luật muốn có tiền tiêu xài cá nhân không bằng chính sức lao động của mình nên vào ngày 18 tháng 9 năm 2002, tại thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (nay là huyện T, tỉnh Đắk Nông) bị cáo Lê Hữu H cùng Trần Văn M, Võ T 02 lần, Võ Đ 01 lần đã có hành vi lén lút trộm cắp 09 ống nước của trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 6 với số tiền 2.700.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Lê Hữu H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 – BLHS năm 1999.

Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 30/6/2016 về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội nêu trên của Lê Hữu H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

“Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự quy định:

1 – Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Tại phiên tòa HĐXX đã làm rõ hành vi của bị cáo và các đồng phạm Trần Văn M, Võ T, Võ Đ chỉ là đồng phạm gián đơn không phải là phạm tội có tổ chức không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò, nhiệm vụ cụ thể cho từng đối tượng mà chỉ phân công cho Trần Văn M cảnh giới bên ngoài để cả bọn thực hiện hành vi trộm cắp. Mặt khác tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo không phải là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, người khởi xướng là Trần Văn M vì M là bảo vệ của Nông trường 6, M biết được Nông trường 6 sắp giải thể và ống nước đã được tháo rời và xếp thành đống không sử dụng, M cũng là người chỉ vị trí ống nước cho bị cáo cùng các đồng phạm trộm cắp. Tuy nhiên hiện nay M đã bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không có kết quả, nên không có cơ sở để đối chất giữa bị cáo và M về vấn đề này.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã thu hồi và trả cho chủ sở hữu hợp pháp; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 - BLHS. Tuy nhiên bị cáo liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 02 lần đây là tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 - BLHS. HĐXX sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của Trường giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 6. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo việc giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự cải tạo mình thành người có ích cho xã hội.

Biện pháp tư pháp: Đã được xử lý tại bản án số 06/HSST ngày 21/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) nên không đề cập giải quyết.

Đối với hành vi phạm tội của Trần Văn M, Võ T, Võ Đ đã được xử lý tại bản án số 06/HSST ngày 21/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông) nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 – BLHS năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15 tháng 12 năm 2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Buộc bị cáo Lê Hữu H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo Lê Hữu H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện. Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Nguyễn Tiến Thọ